

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH
CHÍNH HÀNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KHU VỰC CẦN GIUỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2016 /KVCG-NV

Cần Giuộc, ngày 30 tháng 3 năm 2026

V/v thông qua phương án bồi thường để thực hiện
niêm yết dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên
địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây
dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
qua địa bàn xã Tân Tập

Kính gửi: UBND xã Tân Tập.

Căn cứ Luật Đất đai 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất
đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động
sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về
quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức
thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 26/7/2025 của Quốc hội về chủ
trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị Quyết số 297/NQ-CP ngày 25/9/2025 của Chính phủ về việc
triển khai Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 26 tháng 7 năm 2025 của Quốc hội
về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí
Minh;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ
quy định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số
254/2025/QH của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó
khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày
11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn,
vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê
đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ

quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt tìm tuyến, chủ trương và phạm vi giải phóng mặt bằng dự án thành phần DA TP 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 7454/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thành phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (giải phóng mặt bằng phần tuyến và 02 khu tái định cư tại xã Bến Lức và xã Rạch Kiến), Dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 8426/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thành phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (03 khu tái định cư) dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh;

Ngày 1/3/2026, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc đã dự thảo phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh qua địa bàn xã Tân Tập. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và thực hiện việc niêm yết phương án bồi thường đảm bảo đúng quy định. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc đề nghị UBND xã Tân Tập tổ chức họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án để Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc thực hiện việc niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Với nội dung trên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc đề nghị UBND xã Tân Tập sớm phối hợp thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ;
- Bộ phận NV, HCTH;
- Lưu: VT, NV_(Hưng)



Võ Văn Thơ

Số: 2015/PA-KVCG

Cần Giuộc, ngày 30 tháng 3 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và xây dựng
đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư
xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh
Địa điểm đầu tư: xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Nghị Quyết số 297/NQ-CP ngày 25/9/2025 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Nghị quyết 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An;

Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An;

Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An;

Quyết định số 5104/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng – giao thông của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 11946/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt tìm tuyến, chủ trương và phạm vi giải phóng mặt bằng dự án thành phần DA TP 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 7454/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thành phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (giải phóng mặt bằng phần tuyến và 02 khu tái định cư tại xã Bến Lức và xã Rạch Kiến), Dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 8426/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt thành phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (03 khu tái định cư) dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND xã Tân Tập về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần 1-4: Bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An đầu tư qua địa bàn xã Tân Tập;

Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh;

Công văn số 490/UBND-KTTC ngày 14/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc hướng dẫn xây dựng giá đất và khung chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 2862/UBND-KTTC ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh tên đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông tỉnh quản lý;

Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND xã Tân Tập về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại xã Tân Tập thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Thông báo số 880/TB-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính về đơn giá gạo để làm cơ sở xác định mức hỗ trợ ổn định đời sống và hộ nghèo theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024;

Trích đo và danh sách thống kê diện tích loại đất do Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường lập ngày 27/01/2026 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường duyệt ngày 02/02/2026;

Biên bản số 02/BB-HĐTĐGDCT ngày 13/3/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Tân Tập về việc Hội đồng thẩm định giá cụ thể thông qua phương án giá đất bồi thường để thực hiện dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An đầu tư qua địa bàn xã Tân Tập;

Tờ trình về phương án giá đất (kèm theo Công văn số 456/PKT ngày 13/3/2026 của Phòng Kinh Tế;

Công văn số 359/UBND-KT ngày 26/3/2026 của UBND xã Tân Tập về việc cung cấp giá đất để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Về vị trí, diện tích, số hộ bị ảnh hưởng:

1.1 Vị trí đất: tọa lạc tại xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh. Vị trí cụ thể theo Trích đo và danh sách thống kê ngày 06/02/2026 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường duyệt ngày 13/02/2026.

1.2 Diện tích: Tổng diện tích **10,05 ha**, bao gồm:

- Đất hộ gia đình, cá nhân quản lý: 8,48 ha đất nông nghiệp và 0,36 ha đất phi nông nghiệp.

- Đất do UBND xã quản lý: 1,2 ha.

1.3 Số trường hợp bị ảnh hưởng: có 72 trường hợp và 01 tổ chức bị ảnh hưởng.

2. Đơn giá bồi thường về đất:

Stt	Vị trí đất	Đơn giá đất NN theo NQ số 49/2025/NQ-HĐND, ngày 29/12/2025 (đồng/m ²)	Đơn giá đề xuất (đồng/m ²)
*	Xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh		
I	Đất ở tại nông thôn		
1	Đường Rạch Chim		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	1.890.000	8.996.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	1.323.000	6.297.000
2	Đường Nguyễn Thị Nga		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	1.460.000	6.947.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	1.022.000	4.863.000
3	Sông Rạch Dừa		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp sông hoặc không tiếp giáp sông nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp sông	550.000	3.717.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp sông và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp sông	450.000	2.849.000
4	Phạm vi đất bên trong	450.000	2.849.000
II	Đất nông nghiệp trồng cây hằng năm (LUC, HNK,...)		
1	Đường Rạch Chim		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	315.000	2.503.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	220.500	1.752.000

2	Đường Nguyễn Thị Nga		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	315.000	2.203.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	220.500	1.542.000
3	Sông Rạch Dừa		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp sông hoặc không tiếp giáp sông nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp sông	165.000	888.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp sông và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp sông	125.000	673.000
4	Phạm vi đất bên trong	125.000	673.000
II	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (CLN)		
1	Đường Nguyễn Thị Nga		
a	Phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	346.000	2.234.000
b	Phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	242.200	1.564.000
2	Phạm vi đất bên trong	137.000	685.000

3. Bồi thường nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc, phương tiện sinh hoạt:

Thực hiện theo quy định tại Điều 102, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Điều 14, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đơn giá tính bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 5104/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng – giao thông của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

4. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật chuyên ngành:

4.1 Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần có tỷ lệ phá dỡ > 70%: Bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình.

4.2 Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần có tỷ lệ phá dỡ > 40% đến 70%, ngoài việc bồi thường cho phần bị phá dỡ còn được bồi thường cụ thể như sau:

a) Tỷ lệ phá dỡ từ 60% đến 70%: Mức bồi thường bằng 70% giá trị của phần diện tích nhà, công trình chưa bị phá dỡ nằm bên ngoài dự án nhưng gắn liền với phần nhà, công trình bị phá dỡ;

b) Tỷ lệ phá dỡ từ 50% đến dưới 60%: Mức bồi thường bằng 60% giá trị của phần diện tích nhà, công trình chưa bị phá dỡ nằm bên ngoài dự án nhưng gắn liền với phần nhà, công trình bị phá dỡ;

c) Tỷ lệ phá dỡ từ trên 40% đến dưới 50%: Mức bồi thường bằng 50% giá trị của phần diện tích nhà, công trình chưa bị phá dỡ nằm bên ngoài dự án nhưng gắn liền với phần nhà, công trình bị phá dỡ;

4.3 Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần có tỷ lệ phá dỡ \leq 40%, ngoài việc bồi thường cho phần bị phá dỡ còn được bồi thường cụ thể như sau:

Đối với phần diện tích còn lại vẫn tồn tại sử dụng được: Bồi thường chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại, mức bồi thường bằng 30% giá trị của phần diện tích nhà, công trình bị phá dỡ.

4.4 Trường hợp thu hồi đất mà tỷ lệ phá dỡ nhà ở nêu trên, nhưng sau khi phá dỡ không đảm bảo mỹ quan thì thực hiện bồi thường bằng giá trị xây dựng mới nhà ở có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Từng trường hợp cụ thể sẽ do UBND xã xem xét quyết định phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

5. Bồi thường, hỗ trợ di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi thu hồi đất:

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng phải tháo dỡ di dời thì được tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi:

Thực hiện theo Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 11946/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

7. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất:

- Trường hợp thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường 10.000.000 đồng/trường hợp.

- Trường hợp thu hồi đất mà phải tháo dỡ, di chuyển tài sản thì được bồi thường 15.000.000 đồng/trường hợp.

8. Chính sách hỗ trợ: Căn cứ điều khoản thực hiện theo Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

8.1 Hỗ trợ ổn định đời sống:

a) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

- Đối với trường hợp Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

- Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 36 tháng;

b) Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.

c) Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống là diện tích trong phạm vi xã Tân Tập tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

d) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng.

đ) Đơn giá gạo để tính hỗ trợ thực hiện theo Thông báo số 880/TB-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính.

8.2 Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đối tượng quy định tại Điều 109 Luật đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-

CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp là **0,7** lần mức hỗ trợ tính theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai 2024 và được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

8.3 Thời gian và mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư:

Người sử dụng nhà ở, đất ở bị thu hồi được bố trí tái định cư nhưng chủ đầu tư chưa kịp bố trí vào khu tái định cư theo quy định, nếu đồng ý bàn giao mặt bằng đúng tiến độ và tự lo tạm cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở tối thiểu là 2.000.000 đồng/nhân khẩu thực tế ăn ở tại nơi thu hồi đất/tháng, nhưng mức hỗ trợ tối đa là 8.000.000 đồng/hộ gia đình/tháng. Thời gian hỗ trợ tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 06 tháng để xây nhà.

Trường hợp bị thu hồi một phần đất ở mà chủ sử dụng nhà ở, đất ở không đủ điều kiện tái định cư nhưng thực tế bị phá dỡ toàn bộ hoặc một phần nhà ở, nếu bàn giao mặt bằng đúng tiến độ thì cũng được hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư theo mức trên trong 06 tháng (*đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà ở*) và 03 tháng (*đối với trường hợp bị phá dỡ một phần nhà ở*)

8.4 Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn:

Nếu người có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn không quá 30 ngày đối với đất nông nghiệp, đất ở không có nhà ở hoặc đất phi nông nghiệp không phải là đất ở; không quá 60 ngày đối với đất ở có nhà ở tính từ thời điểm tổ chức công bố trao Quyết định thu hồi đất thì được thưởng bằng tiền với mức 15.000.000 đồng/trường hợp.

9. Hỗ trợ khác

9.1 Ngoài việc hỗ trợ theo quy định, đối với hộ gia đình chính sách (có giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo (có giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền còn trong thời gian có hiệu lực) được hỗ trợ như sau:

a) Đối với hộ gia đình chính sách:

- Nếu bị giải tỏa trắng nhà nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất 10.000.000 đồng/hộ.

- Nếu bị giải tỏa trắng nhà và bị thu hồi toàn bộ đất 15.000.000 đồng/hộ.

b) Đối với hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo:

- Nếu bị giải tỏa trắng nhà nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất được hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng/hộ, thời gian hỗ trợ 3 năm.

- Nếu bị giải tỏa trắng nhà và bị thu hồi toàn bộ đất được hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng/hộ, thời gian hỗ trợ 6 năm.

9.2 Chủ sử dụng nhà ở, đất ở bị thu hồi đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định; chủ sử dụng nhà ở xây dựng trên đất đất ở của người khác trước thời điểm thông báo thu hồi đất không có cơ quan nào lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính thì được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền cho các nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất.

a) Mức hỗ trợ 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng x 12 tháng cho các trường hợp giải tỏa trắng nhà mà phải di chuyển chỗ ở do cất nhà trên đất ở của người khác.

b) Mức hỗ trợ 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng x 24 tháng cho các đối tượng sau:

- Giải tỏa trắng nhà ở nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất ở.
- Giải tỏa trắng nhà và đất ở hợp pháp mà phải di chuyển chỗ ở.

Ghi chú:

- Đơn giá gạo để tính hỗ trợ thực hiện theo Thông báo số 880/TB-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi vừa đất nông nghiệp, vừa đất ở thì chỉ được hưởng một trong các mức hỗ trợ.

9.3 Trường hợp bàn giao mặt bằng trước thời hạn không quá 60 ngày đối với nhà ở xây dựng trên đất ở của người khác thì được hỗ trợ bằng tiền với mức 10.000.000 đồng/trường hợp.

III. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN DI DỜI MỒ MẢ:

Mồ mả bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án sẽ được bồi thường theo quy định để thân nhân gia đình tự di dời cải táng, khi cải táng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về quy hoạch sử dụng đất, vệ sinh môi trường và phong tục tập quán tại địa phương nơi cải táng.

Trường hợp mồ mả trong phạm vi đất dự án không có người thân thực hiện việc di dời thì Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc phối hợp với UBND xã Tân Tập tiến hành các thủ tục di dời mồ mả theo phong tục, tập quán tại địa phương.

Bồi thường mồ mả: Thực hiện theo Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 5104/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng – giao thông của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

IV. KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ **122.671.175.863 đồng** (bằng chữ: Một trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

- Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: 98.318.424.000 đồng;
- Bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất: 8.913.974.808 đồng;

- Bồi thường chi phí di chuyển	120.000.000 đồng;
- Dự kiến bồi thường giá trị mồ mả:	1.080.200.000 đồng;
- Dự kiến thưởng bàn giao mặt bằng:	900.000.000 đồng;
- Kinh phí tổ chức thực hiện GPMB:	2.186.651.976 đồng;
- Dự phòng phát sinh:	11.151.925.078 đồng.

Nguồn vốn chi trả bồi thường, hỗ trợ: nguồn vốn từ Ngân sách (*Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh được giao làm chủ đầu tư*).

Ghi chú: số tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, có bảng phụ lục số 1, 2, 3, ngày /3/2026 kèm theo.

V. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Vị trí: các trường hợp đủ điều kiện tái định cư, đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất sẽ được bố trí vào các lô nền tái định cư tại dự án Khu tái định cư xã Tân Tập được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 02/12/2026 của UBND xã Mỹ Lộc.

2. Diện tích lô nền tái định cư: thực hiện theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 02/12/2026 của UBND xã Mỹ Lộc.

3. Điều kiện, đối tượng được bố trí tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất:

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất ở, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 95 của Luật đất đai, bị thu hồi hết đất ở hoặc bị thu hồi một phần diện tích đất ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh và không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã Tân Tập thì được bồi thường bằng giao đất ở.

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì cặp thứ 2 trở lên (không tính cặp chủ hộ), mỗi cặp được Nhà nước xem xét hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất nhưng không quá diện tích đất ở được bồi thường.

Trường hợp có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu.

4. Đơn giá thu tiền nền tái định cư:

Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư đối với người được bồi thường bằng giao đất ở, người được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp chưa có giá đất trong bảng giá đất thì phải bổ sung bảng giá đất để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho người được bố trí tái định cư.

5. Thứ tự bố trí tái định cư:

Trong trường hợp nhiều hộ gia đình, cá nhân có nguyện vọng cùng lựa chọn chung 01 lô nền trong khu tái định cư thì sẽ bố trí ưu tiên theo thứ tự sau:

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ (1);
- Hộ gia đình chính sách (2);
- Hộ gia đình, cá nhân di dời và bàn giao mặt bằng trước và trong thời hạn quy định của quyết định thu hồi đất, thông báo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (3);
- Hộ có diện tích đất ở bị thu hồi lớn (4).

Trường hợp 01 lô đất có nhiều hộ đăng ký mà không xét được theo thứ tự ưu tiên trên thì tổ chức bốc thăm công khai.

6. Hỗ trợ tái định cư:

6.1 Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để giao một suất tái định cư tối thiểu.

6.2 Mức hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở:

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn nhận được tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở. Mức hỗ trợ như sau:

Mức hỗ trợ bằng khoảng chênh lệch giữa tiền bồi thường bằng đất và giá trị suất tái định cư tối thiểu; đối với hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở lên thì ngoài việc hỗ trợ bằng với mức chênh lệch giữa tiền bồi thường bằng đất và giá trị suất tái định cư tối thiểu thì từ nhân khẩu thứ 02 trở lên, mỗi nhân khẩu được hỗ trợ 50% mức chênh lệch giữa tiền bồi thường bằng đất và giá trị suất tái định cư tối thiểu và tổng mức hỗ trợ tối đa không vượt quá giá trị 01 suất tái định cư tối thiểu.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã Tân Tập có hiệu lực thi hành, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc phối hợp UBND xã Tân Tập và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được UBND xã Tân Tập phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tiền gửi vào tài khoản tiền gửi của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn. Tiền lãi từ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ được trả cho người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được bồi thường, hỗ trợ.

Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc báo cáo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An đầu tư qua địa bàn xã Tân Tập sẽ xem xét giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định.

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh đầu tư tại xã Tân Tập. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Cần Giuộc kính trình UBND xã xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (b/c);
- UBND xã Tân Tập;
- Hội đồng BT, HT và TĐC xã Tân Tập;
- Phòng Kinh tế xã Tân Tập;
- GD, các PGĐ;
- Lưu: VT, NV_(Hung).





TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Thành phần 1-4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Tây Ninh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
 Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh
 Địa điểm: xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh

Stt	Khoản mục	DT/SL	Đơn giá	Thành tiền
I	BỒI THƯỜNG GIÁ TRỊ QSDĐ	100.505,3		98.318.424.000
1	Đất nông nghiệp	84.725,7		83.379.842.200
	Đất LUC phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Rạch Chim	2.416,5	2.503.000	6.048.499.500
	Đất LUC phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Rạch Chim	2.777,0	1.752.000	4.865.304.000
	Đất LUC phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	5.892,9	2.203.000	12.982.058.700
	Đất LUC phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	7.401,6	1.542.000	11.413.267.200
	Đất LUC phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp sông	241,7	888.000	214.629.600
	Đất LUC phạm vi bên trong	51.897,9	673.000	34.927.286.700
	Đất LUK phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Rạch Chim	569,4	2.503.000	1.425.208.200
	Đất LUK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	1,0	1.542.000	1.542.000
	Đất LUK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp sông	45,8	888.000	40.670.400
	Đất LUK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa	519,3	673.000	349.488.900
	Đất LUK phạm vi bên trong	3.538,4	673.000	2.381.343.200
	Đất HNK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Rạch Chim	483,0	2.503.000	1.208.949.000
	Đất HNK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	1,2	2.203.000	2.643.600
	Đất HNK phạm vi 50m đầu tiếp giáp sông Rạch Dừa	3.188,5	888.000	2.831.388.000
	Đất HNK phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa	346,0	673.000	232.858.000
	Đất HNK phạm vi 50m bên trong	4.255,4	673.000	2.863.884.200
	Đất CLN phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	126,0	2.234.000	281.484.000
	Đất CLN phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	691,5	1.564.000	1.081.506.000
	Đất CLN phạm vi 50m bên trong	332,6	685.000	227.831.000
2	Đất phi nông nghiệp	15.779,6		14.938.581.800
	Đất ONT phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Rạch Chim	152,8	8.996.000	1.374.588.800
	Đất ONT phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	825,7	6.947.000	5.736.137.900
	Đất ONT phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	64,0	4.863.000	311.232.000
	Đất ONT phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa	8,0	3.717.000	29.736.000
	Đất ONT phạm vi 50m đầu không tiếp giáp sông Rạch Dừa	276,3	2.849.000	787.178.700
	Đất ONT phạm vi bên trong	2.351,6	2.849.000	6.699.708.400
	Đất DGT phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Rạch Chim	712,4		0
	Đất DGT phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	2.251,0		0

Stt	Khoản mục	DT/SL	Đơn giá	Thành tiền
	Đất SON phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Rạch Chim	1.183,6		0
	Đất SON phạm vi đầu không tiếp giáp đường Rạch Chim	316,9		0
	Đất SON phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường Nguyễn Thị Nga	1.536,3		0
	Đất SON phạm vi bên trong	6.101,0		0
II	BỒI THƯỜNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT			8.913.974.808
1	Giá trị công trình, vật kiến trúc			7.451.995.808
2	Cây cối			1.430.178.000
3	Trang thiết bị sinh hoạt			31.801.000
III	BỒI THƯỜNG CHI PHÍ DI CHUYỂN			120.000.000
IV	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ			0
V	DỰ KIẾN BỒI THƯỜNG GIÁ TRỊ MỎ MẢ	22	49.100.000	1.080.200.000
VI	DỰ KIẾN THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG	60	15.000.000	900.000.000
VII	CỘNG MỤC (I + II + III +IV+V+VI)			109.332.598.808
VIII	KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GPMB	2%		2.186.651.976
IX	DỰ PHÒNG PHÁT SINH	10%		11.151.925.078
	TỔNG CỘNG: VII + VIII + IX			122.671.175.863

Bảng chữ: Một trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng